





**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH ĐOẠN RẠCH SÒI - BẾN NHÁT, GÒ QUAO - VĨNH THUẬN**  
**HẠNG MỤC: XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ XÃ VĨNH TUY**  
**ĐỊA ĐIỂM: ÁP TÂN ĐÒI, XÃ VĨNH TUY, TỈNH AN GIANG**

SPA	Họ và Tên	Số khẩu	ĐẤT ĐAI						CÂY TRỒNG, HOA MÀU				NHÀ Ở, VẬT KIẾN TRÚC						CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ				Tổng thành tiền bồi thường và hỗ trợ (đồng)	Các thông tin được địa phương xác nhận							
			Số tờ	Số thửa	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích Hỗ trợ (m <sup>2</sup> )	Đơn giá bồi thường (đồng/m <sup>2</sup> )	Đơn giá hỗ trợ (đồng/m <sup>2</sup> )	Thành tiền bồi thường (đồng)	Thành tiền hỗ trợ (đồng)	Loại Cây	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Kỹ hiệu	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích	Diện tích ảnh hưởng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)			Loại hỗ trợ	Số lượng	Đơn giá HT (đồng)	Thành tiền HT (đồng)			
8	Hồ Thị Lành					3,50	0,00					605.500	0															605.500			
	1982 - 0911 8200 8167		36	156	Đất trồng lúa - Vị trí 1 - Khu tái định cư chợ Vĩnh Tuy (ấp Tân Đồi)	3,50	0,00	173.000				605.500																	Có GCN QSDĐ số DM 225562 cấp ngày 13/11/2023		
	Áp Cầu Đò, xã Vĩnh Lộc, tỉnh Cà Mau																												Tờ 36, thửa 156 cấp 6918m <sup>2</sup> đất ONT (400m <sup>2</sup> ) và CLN.		
9	Những người thừa kế theo Pháp luật của ông Trần Văn Oanh					247,00	247,00					48.659.000	37.050.000	0												4.505.760	90.214.760				
	Trần Văn Oanh (chết)		11-3	80	Đất trồng cây lâu năm - Vị trí 1 - Khu tái định cư chợ Vĩnh Tuy (ấp Tân Đồi)	247,00	247,00	197.000	150.000			48.659.000	37.050.000													3	1.501.920	4.505.760	Có GCN QSDĐ số vào sổ: 00285QSDĐ, UBND huyện Gò Quao cấp ngày 17/5/2002		
	1936 - 0910 3600 2841																												Tờ 11-3, thửa số 80, diện tích 5.156m <sup>2</sup> đất TC 400m <sup>2</sup> , 4.756m <sup>2</sup> đất vườn, GCN ông Trần Văn Oanh đứng tên		
	Áp Tân Đồi, xã Vĩnh Tuy, tỉnh An Giang																												Chưa xác định được người thừa kế		
10	Trần Đông Tư					1.092,20	1.092,20					188.950.600	144.170.400	119												6.007.680	351.263.680				
	1970 - 0910 7000 3283		11-3	78	Đất trồng lúa - Vị trí 1 - Khu tái định cư chợ Vĩnh Tuy (ấp Tân Đồi)	1.092,20	1.092,20	173.000	132.000			188.950.600	144.170.400	Dừa D	21	211.000	4.431.000	Lập dự toán	Công đào ao	m <sup>3</sup>	46,00	27,00	0				4	1.501.920	6.007.680	Có GCN QSDĐ số BG 107979, UBND huyện Gò Quao cấp ngày 21/01/2013	
	Áp Tân Đồi, xã Vĩnh Tuy, tỉnh An Giang													Bình bát D	18	80.000	1.440.000	Lập dự toán	Công đào ao	m <sup>2</sup>	33,00	33,00	0							Tờ 11-3, thửa số 78, diện tích 3,851m <sup>2</sup> đất trồng lúa, GCN ông Trần Đông Tư đứng tên	
														Măng cau A	1	979.000	979.000														
														Trâm bông vàng G	2	36.000	72.000														
														Trâm bông vàng G	3	36.000	108.000														
														Cách G	1	60.000	60.000														
														Trúc (20-50 cây/bụi)	1	240.000	240.000														
														Khóm A (m <sup>2</sup> )	50	20.000	1.000.000														
														Sá A (m <sup>2</sup> )	3	12.000	36.000														
														Tre gai (Cao 2-5m)	7	36.000	252.000														
														Trứng cá A	1	64.000	64.000														
														Dừa D	7	211.000	1.477.000														
														Dừa C	4	494.000	1.976.000														
11	Trần Đông Hiệp					976,10	976,10					168.865.300	128.845.200	481												573.090.572	24.030.720	970.275.392			

**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH ĐOẠN RẠCH SỎI - BẾN NHẤT, GÒ QUAO - VĨNH THUẬN**  
**HẠNG MỤC: XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ XÃ VĨNH TUY**  
**ĐỊA ĐIỂM: ÁP TÂN ĐÒI, XÃ VĨNH TUY, TỈNH AN GIANG**

SPA	Họ và Tên	Số khẩu	ĐẤT ĐAI							CÂY TRỒNG, HOA MÀU				NHÀ Ở, VẬT KIẾN TRÚC						CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ				Tổng thành tiền bồi thường và hỗ trợ (đồng)	Các thông tin được địa phương xác nhận		
			Số tờ	Số thửa	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích Hỗ trợ (m <sup>2</sup> )	Đơn giá bồi thường (đồng/m <sup>2</sup> )	Đơn giá hỗ trợ (đồng/m <sup>2</sup> )	Thành tiền bồi thường (đồng)	Thành tiền hỗ trợ (đồng)	Loại Cây	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ký hiệu	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích	Diện tích ảnh hưởng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Loại hỗ trợ			Số lượng	Đơn giá HT (đồng)
1976 - 0910 7601 0175					Đất trồng lúa - Vị trí 1 - Khu tái định cư chợ Vĩnh Tuy (ấp Tân Đồi)	976,10	976,10	173.000	132.000	168.865.300	128.845.200	Dừa A	17	1.708.000	29.036.000	NTC.02	Nhà tiền chế không vách	m <sup>2</sup>	3,24		855.633	2.772.251	Hỗ trợ ổn định đời sống (tỷ lệ mất đất dưới 30% - có di chuyển chỗ ở)	8	3.003.840	24.030.720	Có GCN QSDĐ số BG 107899. UBND huyện Gò Quao cấp ngày 21/01/2013
	Áp Tân Đồi, xã Vĩnh Tuy, tỉnh An Giang											Dừa C	11	494.000	5.434.000	NTC.02	Chuồng nuôi dê, cột gỗ, mái tôn vuông, vách bạt, nền sàn gỗ.	m <sup>2</sup>	8,96		855.633	7.666.472	Giao nền tái định (có thu tiền sử dụng đất)	1	0	0	Tờ 11-3, thửa số 77, diện tích 4,586m <sup>2</sup> đất trồng lúa. GCN ông Trần Đông Hiệp đứng tên
												Dừa D	30	211.000	6.330.000	NTC.01	Chuồng nuôi gà, cột gỗ, vách tôn, mái tôn vuông	m <sup>2</sup>	22,40		1.230.346	27.559.750					
												Dừa B	6	1.122.000	6.732.000	Lập dự toán	Cột BTCT	m <sup>3</sup>	0,63		0	0					
												Khóm A	105	20.000	2.100.000	C3.07 (80%)	Hàng ba nhà C, móng BTCT, có cừ tràm, mái tôn vuông, nền xi măng, không vách, cột BTCT.	m <sup>2</sup>	6,97		4.631.678	32.282.793					
												Điều A	2	1.068.000	2.136.000	C3.07	Nhà C, móng BTCT, có cừ tràm, mái tôn vuông, nền xi măng, vách tường, cột BTCT.	m <sup>2</sup>	72,07		5.789.597	417.256.256					
												Bình bát C	3	228.000	684.000	T.36	Nhà tạm, khung cột gỗ từ 10-15cm, mái lá, nền đất, vách lưới	m <sup>2</sup>	40,61		1.272.557	51.678.540					
												Bình bát C	1	228.000	228.000	NTC.02	Nhà tiền chế không vách	m <sup>2</sup>	39,59		855.633	33.874.510					
												Bình bát D	21	80.000	1.680.000	Lập dự toán	Cây nước không tay bơm	cái	1,00		0	0					
												Mai Đ	3	150.000	450.000	Lập dự toán	Trụ BTCT	m <sup>3</sup>	0,18		0	0					
												Nhàu Đ	3	165.000	495.000	Lập dự toán	Cột thép vuông (dài 6m, tiết diện 6m x 0,07 x 0,07)	Cây	6,00		0	0					
												Nhàu E	29	120.000	3.480.000	Lập dự toán	Công đào ao	m <sup>3</sup>	61,00	49,00	0	0					
												Sơ ri B	1	554.000	554.000												
												Sơ ri D	7	93.000	651.000												
												Chuối B	1	76.000	76.000												
												Chuối C	1	34.000	34.000												
												Xoài B	1	3.064.000	3.064.000												
												Xoài B	1	3.064.000	3.064.000												
												Xoài D	3	400.000	1.200.000												
												Trúc lục bình (862 cây/bụi)	1	600.000	600.000												
												Ới B	2	337.000	674.000												
												Ới C	1	203.000	203.000												
												Tràm bông vàng Đ	1	480.000	480.000												
												Chanh B	2	554.000	1.108.000												
												Thanh long C	7	294.000	2.058.000												
												Tràm nước A	1	120.000	120.000												
												Tràm nước C	10	84.000	840.000												
												Tràm nước G	134	8.400	1.125.600												
												Tràm nước H	73	6.000	438.000												
												Sanh Đ	1	165.000	165.000												





